

Tết cổ truyền của người Việt như một không gian Phật học ứng dụng

ISSN: 2734-9195 09:05 12/02/2026

Tết cổ truyền không chỉ là một sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng, mà còn là một nguồn lực văn hóa chiến lược, góp phần phòng ngừa xung đột từ gốc rễ, nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết và tăng cường khả năng tự điều chỉnh của xã hội.

Tác giả: **Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận Tết cổ truyền của người Việt từ góc nhìn văn hóa học kết hợp Phật học ứng dụng, nhằm làm rõ Tết không chỉ là một lễ hội theo chu kỳ thời gian, mà là một thiết chế văn hóa – tâm linh sống, nơi các giá trị đạo lý và tư tưởng Phật học được thực hành tự nhiên trong đời sống xã hội. Thông qua việc phân tích các chiều cạnh cốt lõi của Tết như vô thường, hiếu đạo, buông xả, hòa giải và chính niệm đời sống, bài viết chỉ ra rằng Tết Việt thực chất là một phương thức tu tập đời sống mang bản sắc Việt, góp phần nuôi dưỡng đạo đức cá nhân, củng cố gắn kết cộng đồng và duy trì sự ổn định xã hội.

Giá trị của Tết cổ truyền như một nguồn lực văn hóa đặc thù, có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ gìn căn cước văn hóa và kiến tạo sự bền vững con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay.

Từ khóa: Tết cổ truyền; Phật học ứng dụng; hiếu đạo; vô thường; chính niệm; văn hóa Việt Nam.

Abstract: This article examines the Vietnamese traditional Lunar New Year (Tết) from an interdisciplinary perspective combining cultural studies and applied Buddhist studies. It argues that Tết is not merely a cyclical festival, but a living cultural-spiritual institution in which ethical values and Buddhist principles are naturally embodied in everyday social practices. By analyzing key dimensions of Tết - such as impermanence, filial piety, letting go, social reconciliation, and mindfulness in daily life - the study demonstrates that Tết functions as a distinctively Vietnamese mode of life-based cultivation,

contributing to moral formation, community cohesion, and social stability. The article concludes that the Vietnamese Lunar New Year constitutes a unique cultural resource for preserving national identity and fostering human sustainability in the context of globalization and digital transformation.

Keywords: Vietnamese Lunar New Year (Tết); applied Buddhism; filial piety; impermanence; mindfulness; Vietnamese culture.

1. Mở đầu: Tết - khi văn hóa trở thành đối cảnh tu tập

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và những biến động sâu sắc của đời sống xã hội đương đại, thách thức đặt ra đối với các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ nằm ở nguy cơ mai một hay biến dạng, mà quan trọng hơn là khả năng tiếp tục phát huy vai trò định hướng đạo đức, điều chỉnh hành vi và nâng đỡ đời sống tinh thần con người. Giữ gìn truyền thống, vì thế, không thể dừng lại ở bảo tồn hình thức, mà đòi hỏi phải nhận diện đúng “*linh hồn*” của các giá trị văn hóa, để chúng tiếp tục sống động trong bối cảnh mới.

Trong chỉnh thể văn hóa Việt Nam, Tết cổ truyền không đơn thuần là một lễ hội theo chu kỳ thời gian, mà là một không gian văn hóa – tâm linh tổng hợp, nơi đạo lý, tín ngưỡng, phong tục và lối sống hòa quyện, tương tác và được tái tạo qua nhiều thế hệ. Ở đó, Tết không chỉ được “*tổ chức*” hay “*kỷ niệm*”, mà được sống như một trạng thái văn hóa đặc thù: con người sống Tết trong gia đình, nghĩ Tết trong tâm thức và hành xử theo tinh thần Tết trong các mối quan hệ xã hội. Chính sự thấm thấu này khiến Tết trở thành một thiết chế mềm nhưng bền vững, có khả năng tác động sâu sắc đến đời sống cộng đồng.

Tiếp cận từ góc nhìn văn hóa học kết hợp Phật học ứng dụng, có thể nhận thấy: Tết cổ truyền của người Việt thực chất là một hình thức tu tập đời sống mang bản sắc riêng, nơi những tư tưởng cốt lõi của Phật học như vô thường, hiểu đạo, buông xả, hòa giải và chính niệm không tồn tại như các khái niệm triết lý trừu tượng, mà được hiện thực hóa thông qua những thực hành đời thường. Từ việc khép lại năm cũ, làm mới không gian sống, tri ân tổ tiên, hóa giải mâu thuẫn cho đến việc mở lòng hướng thiện trong năm mới, Tết trở thành một quá trình tu dưỡng đạo đức tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng sâu sắc.

Chính ở điểm này, Tết vượt ra khỏi khuôn khổ của một tập tục văn hóa, để trở thành một phương thức chuyển hóa con người từ bên trong, góp phần duy trì căn cước văn hóa Việt Nam và nuôi dưỡng nền tảng đạo đức xã hội trong suốt chiều dài lịch sử cũng như trong bối cảnh đương đại đầy biến động.

2. Tết như một thiết chế văn hóa - tâm linh sống

Trong khoa học xã hội, thiết chế thường được hiểu là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực và thực hành xã hội có chức năng định hướng hành vi, điều tiết quan hệ và duy trì trật tự cộng đồng. Ở góc độ này, Tết cổ truyền của người Việt có thể được xem là một thiết chế đặc thù, bởi nó không vận hành chủ yếu bằng các quy phạm mang tính cưỡng chế, mà bằng đạo lý, niềm tin và sự tự nguyện nội tâm của con người. Chính đặc điểm ấy khiến Tết trở thành một thiết chế “mềm”, nhưng lại có sức bền và độ thấm thấu xã hội sâu sắc.

Tết thiết lập một “*khoảng dừng văn hóa*” trong dòng chảy thời gian liên tục của đời sống hiện đại. Trong khoảng dừng ấy, con người tạm gác lại nhịp sống mưu sinh thường nhật để quay về với gia đình, cội nguồn và chính bản thân mình. Đây không chỉ là sự trở về về mặt không gian, mà quan trọng hơn là sự trở về về mặt tâm thức, nơi mỗi cá nhân có cơ hội tự nhìn lại mình, tự điều chỉnh hành vi và tái kết nối với các giá trị nền tảng của cộng đồng.

Chính trong không gian đặc biệt này, các chuẩn mực đạo đức được củng cố, các mối quan hệ xã hội được tái cân bằng, những đứt gãy được hàn gắn, và niềm tin cộng đồng được phục hồi. Tết vì thế không chỉ là thời điểm nghỉ ngơi hay vui chơi, mà còn là một cơ chế xã hội tinh vi, giúp cộng đồng Việt Nam duy trì sự ổn định, hài hòa và liên tục qua nhiều thế hệ, bất chấp những biến động lịch sử và xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi.*” Đặt lời dạy ấy trong không gian Tết, có thể nhận thấy Tết chính là một hình thức “*soi đường*” mang bản sắc Việt Nam, không thông qua những diễn ngôn lớn hay mệnh lệnh hành chính, mà bằng những thực hành nhỏ bé, lặp lại hằng năm, bền bỉ và thấm sâu vào đời sống thường nhật. Chính sự “*soi đường*” âm thầm ấy đã giúp Tết trở thành một thiết chế văn hóa - tâm linh sống, vừa gìn giữ căn cước dân tộc, vừa nuôi dưỡng đạo lý làm người trong xã hội Việt Nam đương đại.



Ảnh sưu tầm

3. Vô thường và chu kỳ thời gian: từ năm cũ sang năm mới, từ con người cũ sang con người mới

Trong Phật học, vô thường là một chân lý nền tảng, khẳng định tính biến đổi không ngừng của vạn pháp và nhắc con người về bản chất không cố định của mọi hiện hữu. Nhận thức đúng về vô thường không dẫn tới tâm thế bi quan hay buông xuôi, mà mở ra khả năng chuyển hóa, làm mới và giải phóng khỏi sự chấp thủ. Đây cũng chính là tinh thần cốt lõi mà Tết cổ truyền của người Việt đã âm thầm chuyên chở và thực hành qua nhiều thế hệ.

Trong đời sống văn hóa Việt Nam, tư tưởng vô thường hiếm khi được gọi tên trực tiếp bằng ngôn ngữ triết học, nhưng lại hiện diện rõ nét trong cấu trúc và nhịp điệu của Tết. Chu kỳ năm cũ – năm mới không chỉ là sự chuyển đổi của thời gian lịch pháp, mà là một chu kỳ đạo lý, nơi con người chủ động khép lại những điều đã qua để chuẩn bị cho một khởi đầu mới về tâm thế sống.

Việc tổng kết năm cũ, dọn dẹp và làm mới không gian sống, thanh toán nợ nần, hóa giải khúc mắc trong quan hệ xã hội... đều là những thực hành vô thường mang tính đời sống. Thông qua các thực hành ấy, người Việt bước vào năm mới với tâm thế buông bỏ cái đã qua, giảm nhẹ gánh nặng tâm lý và mở ra khả năng tái sinh đạo đức, tái cấu trúc nhân cách. Vô thường, vì thế, không còn là một khái niệm trừu tượng, mà trở thành một kinh nghiệm sống tập thể, được lặp lại hằng năm trong không gian Tết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: *“Mỗi năm mới, người phải mới.”* Câu nói ngắn gọn nhưng hàm chứa một triết lý sâu sắc: sự đổi mới của xã hội phải bắt

đầu từ sự đổi mới của mỗi con người. Đặt trong ánh sáng Phật học, lời dạy ấy phản ánh tinh thần vô thường tích cực – không an phận với cái cũ, không cố chấp vào những thói quen lỗi thời, luôn sẵn sàng tự điều chỉnh và chuyển hóa để hướng tới những giá trị tốt đẹp hơn.

Trong xã hội hiện đại, khi nhịp sống nhanh, áp lực cạnh tranh và những biến động tâm lý ngày càng gia tăng, nhiều cá nhân rơi vào trạng thái căng thẳng, bế tắc hoặc mất phương hướng. Trong bối cảnh đó, tinh thần vô thường của Tết có giá trị như một liệu pháp tâm lý – đạo đức mang tính cộng đồng, giúp con người chấp nhận thay đổi, buông bỏ những dồn nén tiêu cực và can đảm làm mới chính mình, mà không cần đến những can thiệp cưỡng bức hay áp đặt từ bên ngoài.

Chính nhờ khả năng ấy, Tết cổ truyền không chỉ đánh dấu sự chuyển tiếp của thời gian, mà còn trở thành một cơ chế chuyển hóa con người từ bên trong, góp phần duy trì sự cân bằng tâm thức và ổn định xã hội trong suốt chiều dài lịch sử cũng như trong đời sống đương đại.

4. Hiếu đạo - trụ cột đạo đức của Tết Việt và Phật học nhập thế

Một trong những biểu hiện tập trung và bền bỉ nhất của Tết cổ truyền Việt Nam là thờ cúng tổ tiên. Dưới góc nhìn Phật học ứng dụng, thực hành này không thể bị giản lược thành tín ngưỡng hay nghi lễ mang tính hình thức, mà cần được nhìn nhận như một phương thức thực hành hiếu đạo và tri ân, những giá trị cốt lõi của Phật giáo Đại thừa khi gắn bó và nhập thế vào đời sống xã hội.

Trong Phật giáo, hiếu đạo không chỉ giới hạn trong mối quan hệ huyết thống trực tiếp, mà còn mở rộng thành ý thức biết ơn đối với tất cả những điều kiện đã làm nên sự tồn tại của con người. Khi hòa quyện với truyền thống văn hóa Việt Nam, tinh thần ấy được cụ thể hóa sinh động qua Tết: con cháu tưởng nhớ tổ tiên, tri ân công lao sinh thành, đồng thời tự nhắc mình sống sao cho xứng đáng với cội nguồn. Chính sự kết nối giữa Phật học và văn hóa dân tộc đã làm nên chiều sâu đạo lý của Tết Việt.

Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng từng khẳng định: hiếu đạo là nền tảng của mọi đạo lý, là điểm gặp gỡ sâu sắc giữa Phật giáo và truyền thống văn hóa dân tộc. Đặt trong bối cảnh ấy, Tết trở thành đỉnh cao biểu hiện của hiếu đạo trong năm, nơi đạo lý không cần được giảng giải bằng ngôn từ, mà được thực hành một cách tự nhiên, lặp lại và thấm sâu trong đời sống gia đình và cộng đồng.

Bàn thờ gia tiên trong ngày Tết, vì thế, không chỉ là một không gian nghi lễ, mà là một thiết chế giáo dục đạo đức không lời. Thông qua những nghi thức giản dị nhưng trang trọng, các thế hệ trẻ học cách kính trọng quá khứ, ý thức trách nhiệm với hiện tại và nuôi dưỡng tầm nhìn hướng tới tương lai. Sự giáo dục ấy không mang tính áp đặt, mà được hình thành từ cảm xúc, ký ức và trải nghiệm sống, tạo nên sức bền đặc biệt cho nền tảng đạo đức xã hội.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi cấu trúc gia đình có nhiều biến đổi, nhịp sống ngày càng phân tán và các mối quan hệ truyền thống đứng trước nguy cơ lỏng lẻo, việc giữ gìn và làm sâu sắc tinh thần hiếu đạo thông qua Tết có ý nghĩa xã hội to lớn. Không chỉ góp phần ổn định nền tảng đạo đức, tinh thần hiếu đạo còn giúp hạn chế sự đứt gãy thế hệ, củng cố niềm tin cộng đồng và nuôi dưỡng một xã hội nhân ái, nơi con người biết sống chậm lại để nhớ về nguồn cội và trách nhiệm của mình trong dòng chảy chung của dân tộc.

5. Buông xả và hòa giải: chức năng “*an ninh mềm*” của Tết

Một trong những đặc trưng nổi bật của Tết cổ truyền Việt Nam là tinh thần hòa giải và an hòa xã hội. Trong những ngày đầu năm, người Việt kiêng tranh cãi, tránh xung đột, hạn chế những lời nói và hành vi có thể gây tổn thương; thay vào đó là xu hướng hạ thấp cái tôi, mở lòng bao dung và hướng tới sự thuận hòa. Không ít mối quan hệ được hàn gắn, nhiều hiềm khích được hóa giải chính trong không gian Tết. Dưới ánh sáng Phật học, đây là sự thực hành buông xả và từ bi ở cấp độ cộng đồng, diễn ra một cách tự nhiên và bền bỉ.

Buông xả trong Tết không đồng nghĩa với việc phủ nhận sai lầm hay xóa bỏ trách nhiệm, mà là chủ động đặt lợi ích chung, sự an hòa và ổn định xã hội lên trên lợi ích cá nhân và cảm xúc nhất thời. Đây là một hình thức “*tạm đình chỉ xung đột*” mang tính văn hóa, cho phép con người có thời gian lắng lại, suy xét và tái thiết lập các mối quan hệ trên nền tảng thiện chí. Chính cơ chế này giúp Tết trở thành một thiết chế điều tiết xung đột xã hội đặc biệt hiệu quả, vận hành không bằng bạo lực hay mệnh lệnh hành chính, mà bằng đạo lý và sự tự nguyện nội tâm.

Ở bình diện rộng hơn, chức năng hòa giải của Tết có thể được nhìn nhận như một hình thức “*an ninh mềm*” mang bản sắc văn hóa Việt Nam. Thay vì đối phó xung đột bằng các biện pháp cưỡng chế, Tết tạo ra một không gian xã hội thuận lợi để giảm căng thẳng, tái tạo niềm tin và củng cố sự đồng thuận cộng đồng. Đây là năng lực quản trị xã hội đặc biệt quan trọng, nhất là trong bối cảnh hiện đại với nhiều áp lực tâm lý, lợi ích đan xen và nguy cơ phân mảnh xã

hội.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong việc tạo dựng sức mạnh mềm và nền tảng ổn định chính trị – xã hội bền vững. Đặt trong tinh thần ấy, Tết cổ truyền không chỉ là một sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng, mà còn là một nguồn lực văn hóa chiến lược, góp phần phòng ngừa xung đột từ gốc rễ, nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết và tăng cường khả năng tự điều chỉnh của xã hội. Việc nhận diện, bảo vệ và phát huy đúng tầm chức năng “*an ninh mềm*” của Tết, vì thế, không chỉ mang ý nghĩa văn hóa – đạo lý, mà còn có giá trị thiết thực đối với quản trị xã hội và phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay.

6. Chính niệm đời sống và Tết trong xã hội số

Trong bối cảnh xã hội số và kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, Tết cổ truyền đang đứng trước nguy cơ bị thương mại hóa, hình thức hóa và rút ngắn về chiều sâu tinh thần. Nhiều giá trị vốn mang ý nghĩa tu dưỡng đạo đức và gắn kết cộng đồng có xu hướng bị lấn át bởi nhịp sống gấp gáp, áp lực tiêu dùng và sự chi phối của không gian mạng. Tuy nhiên, thay vì nhìn nhận đây như một sự mất mát tất yếu, có thể tiếp cận Tết như một không gian thực hành chính niệm, nơi Phật học ứng dụng mở ra khả năng làm mới Tết theo chiều sâu, chứ không phải bằng việc thay đổi hình thức bên ngoài.

Chính niệm, trong tinh thần Phật học, không đồng nhất với nghi thức cầu kỳ hay thực hành mang tính tôn giáo thuần túy, mà là sự tỉnh thức trong từng khoảnh khắc sống. Đặt trong không gian Tết, chính niệm được biểu hiện qua những hành vi rất đời thường: gặp nhau một cách trọn vẹn thay vì vội vã; ăn cùng nhau chậm rãi để cảm nhận sự hiện diện của người thân; nói lời tử tế, biết kiểm chế cảm xúc tiêu cực; và quan trọng hơn cả là biết dừng lại để lắng nghe, để thấu hiểu và sẻ chia. Chính những thực hành giản dị ấy làm nên chiều sâu tinh thần của Tết, vượt lên trên mọi hình thức bề ngoài.

Trong xã hội số, khi con người dễ bị cuốn vào dòng chảy thông tin liên tục, chính niệm trong Tết còn mang ý nghĩa tái thiết lập mối quan hệ giữa con người với chính mình và với cộng đồng. Việc chủ động giảm tốc, hạn chế sự xâm lấn của thiết bị số trong những thời khắc sum họp, ưu tiên sự hiện diện trực tiếp và cảm xúc chân thật giúp Tết trở thành một khoảng lặng cần thiết, góp phần cân bằng tâm lý cá nhân và ổn định đời sống tinh thần xã hội.

Nhìn từ góc độ Phật học ứng dụng, Tết trong xã hội số không nhất thiết phải đối lập với công nghệ, mà cần được định hướng để công nghệ phục vụ cho chính niệm, thay vì làm xói mòn nó. Khi chính niệm trở thành tinh thần dẫn dắt cách

con người đón Tết, Tết sẽ tiếp tục giữ được giá trị cốt lõi của mình như một không gian tu tập đời sống, giúp con người hiện đại tìm lại sự an trú nội tâm giữa thế giới đầy biến động và góp phần nuôi dưỡng một xã hội nhân văn, hài hòa và bền vững.

7. Kết luận: Giữ Tết - giữ căn cước Việt trong kỷ nguyên mới

Nhìn từ góc độ Phật học ứng dụng, Tết cổ truyền của người Việt không chỉ là một di sản văn hóa được trao truyền qua nhiều thế hệ, mà còn là một phương thức tu tập đời sống độc đáo, nơi trí tuệ dân tộc và tinh thần Phật giáo nhập thế hòa quyện, thấm sâu và vận hành tự nhiên trong đời sống xã hội. Thông qua những thực hành giản dị nhưng bền bỉ - từ ý thức về vô thường, hiếu đạo, buông xả, hòa giải đến chính niệm đời sống - Tết góp phần nuôi dưỡng đạo đức cá nhân, củng cố sự gắn kết cộng đồng và duy trì sự ổn định tinh thần của xã hội Việt Nam.

Giữ Tết, vì thế, không đồng nghĩa với việc níu giữ quá khứ hay bảo tồn hình thức một cách tĩnh tại, mà là giữ cho Tết tiếp tục có năng lực sống, có khả năng điều chỉnh hành vi, dẫn dắt cảm xúc và định hướng giá trị trong bối cảnh mới. Đó là quá trình làm mới truyền thống từ bên trong, để các giá trị đã được lịch sử chứng nghiệm tiếp tục phát huy vai trò trong việc kiến tạo con người Việt Nam hiện đại - nhân ái, bao dung, có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số, khi căn cước văn hóa đứng trước nhiều thách thức vô hình, Tết cổ truyền, nếu được nhìn nhận đúng và phát huy đúng, sẽ tiếp tục là một điểm tựa tinh thần quan trọng, giúp người Việt không đánh mất mình giữa những biến động nhanh chóng của thời đại. Ở chiều sâu ấy, giữ Tết chính là giữ căn cước Việt, không phải bằng sự hoài cổ, mà bằng khả năng chuyển hóa, thích ứng và phát triển bền vững trên nền tảng đạo lý và trí tuệ đã được hun đúc qua chiều dài lịch sử dân tộc.

Từ góc độ học thuật, có thể khẳng định rằng: Tết cổ truyền của người Việt không chỉ là đối tượng nghiên cứu văn hóa, mà là một *“thiết chế tu tập xã hội mang bản sắc Việt”*, nơi Phật học ứng dụng hiện diện như một hệ giá trị sống, được Việt hóa sâu sắc qua phong tục, nghi lễ và thực hành đời thường, góp phần kiến tạo ổn định xã hội, nuôi dưỡng đạo đức cộng đồng và bảo đảm tính bền vững của con người Việt Nam trong bối cảnh hiện đại.

Từ nhận thức đó, bài viết gợi mở một số hướng nghiên cứu tiếp theo: (i) nghiên cứu so sánh Tết Việt với các lễ chuyển mùa trong các nền văn hóa Phật giáo

châu Á để làm rõ đặc trưng Phật học nhập thế của Việt Nam; (ii) khảo sát vai trò của Tết trong việc điều tiết tâm lý xã hội và phòng ngừa xung đột ở cấp cộng đồng, như một hình thức “*an ninh mềm*” văn hóa; và (iii) nghiên cứu khả năng vận dụng tinh thần Tết và Phật học ứng dụng trong bối cảnh xã hội số, nhằm góp phần xây dựng hệ giá trị văn hóa – đạo đức phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (các tập liên quan đến văn hóa và đạo đức). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Thích Trí Quảng. (2020). Phật giáo nhập thế và đạo lý dân tộc. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
4. Thích Nhất Hạnh. (2014). Phật học ứng dụng trong đời sống. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
5. Trần Ngọc Thêm. (2016). Cơ sở văn hóa Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
6. Tô Lâm. (2025–2026). Các bài phát biểu, bài viết về văn hóa, sức mạnh mềm và ổn định chính trị – xã hội. Nguồn chính thống của Đảng và Nhà nước.
7. Nguyễn Văn Huyền. (1995). Văn minh Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa.
8. Taylor, C. (2004). Modern Social Imaginaries. Durham & London: Duke University Press.
9. Giddens, A. (1991). Modernity and Self-Identity: Self and Society in the Late Modern Age. Stanford: Stanford University Press.
10. Minh Đức. (2025). Từ – nền tảng đạo đức của Phật học ứng dụng trong đời sống xã hội đương đại. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số chuyên đề.
11. Minh Đức. (2025). Bi – năng lực chuyển hóa khổ đau và gắn kết cộng đồng trong Phật giáo nhập thế. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số chuyên đề.
12. Minh Đức. (2025). Hỷ – niềm vui có trí tuệ và giá trị xã hội trong Phật học ứng dụng. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số chuyên đề.

13. Minh Dục. (2025). Xả – trí tuệ buông và sức mạnh giữ trong bối cảnh xã hội hiện đại. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số chuyên đề.

14. Minh Dục. (2025). Chuyển hóa nhận thức – Phật học ứng dụng trong kiến tạo đạo lý xã hội thời chuyển đổi số. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số chuyên đề.

Tác giả: **Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo